

Chính sách huy động và đầu tư nguồn lực tài chính cho đội ngũ trí thức - Thực trạng và giải pháp

 PGS.TS Đặng Văn Thanh*

Đội ngũ trí thức là nguồn lực quan trọng và đặc biệt quan trọng trong cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, đặc biệt là trong Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, cách mạng công nghệ số, tạo nên sức mạnh của quốc gia trong việc hoạch định và triển khai chiến lược phát triển đất nước. Vấn đề đặt ra là, để phát huy vai trò, tăng cường sự đóng góp của trí thức khoa học công nghệ, cần có những chính sách, giải pháp đầu tư và huy động nguồn lực tài chính để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách tài chính, trí thức, huy động nguồn lực, Đặng Văn Thanh

Nhà nước luôn luôn coi trọng và đánh giá cao vai trò, vị trí của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc”. Thấm nhuần lời dạy đó, Nhà nước đã có những chủ trương, ban hành nhiều chính sách phù hợp trong từng giai đoạn phát triển của đất nước để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức cả về số lượng và chất lượng. Trên thực tế, đội ngũ trí thức khoa học -

công nghệ của Việt Nam đã được xây dựng với số lượng ngày càng đông đảo, chất lượng ngày càng nâng cao, phát huy mạnh mẽ vai trò trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (gọi tắt là NQ 27) nêu rõ: “Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững,... Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định”.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII đã nêu quan điểm: “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả công hiến. Bảo vệ quyền

sở hữu trí tuệ, đãi ngộ và tôn vinh xứng đáng những cống hiến của trí thức. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài của đất nước”. Đây không chỉ là phương hướng nhiệm vụ phát triển đội ngũ trí thức trong giai đoạn 2016 - 2020 mà còn là quyết tâm, là hành động cụ thể để xây dựng và phát huy vai trò đội ngũ trí thức của Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay, bên cạnh nhiều kết quả nổi bật, vẫn còn không ít tồn tại, hạn chế, vướng mắc. Đặc biệt là vấn đề đầu tư, huy động và sử dụng nguồn lực, trong đó có chính sách đầu tư và huy động nguồn lực tài chính để phát triển đội ngũ trí thức trong yêu cầu mới của cách mạng khoa học - công nghệ và hội nhập.

Thực trạng huy động và đầu tư nguồn lực tài chính để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam

Phải thấy rằng, trong 35 năm cải cách và đổi mới kinh tế, nhiều chủ trương, chính sách về khoa học công nghệ, về đội ngũ trí thức đã được ban hành và thực thi rất hiệu quả, trong đó có chủ trương, chính sách về xây dựng đội ngũ trí thức; về phát triển khoa học và công nghệ; về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; về xây dựng

* Chủ tịch Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam

và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược; về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ. Nhà nước đã đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, thực hiện nhiều chính sách huy động, bồi dưỡng, động viên, đãi ngộ, khích lệ và tôn vinh trí thức, tổ chức các giải thưởng quốc gia, phong tặng các chức danh khoa học và các danh hiệu cao quý. Nhờ vậy, đội ngũ trí thức của Việt Nam đã phát triển nhanh về số lượng và nâng cao về chất lượng, phát huy vai trò trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; trực tiếp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu, sáng tạo ra những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ (KH&CN) của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao. Đặc biệt, số trí thức trẻ năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng nhiều. Cùng với trí thức trong nước, có hàng nghìn trí thức Việt kiều đang sinh sống và làm việc ở hơn 100 quốc gia, vùng lãnh thổ hướng về Tổ quốc, trong đó nhiều người đã về nước làm việc, đóng góp tích cực, có hiệu quả vào sự phát triển đất nước. Tuy nhiên, so với yêu cầu còn tồn tại một số hạn chế. Chỉ số Kinh tế trí thức (KEI) và Chỉ số trí thức (KI); năng suất lao động của người Việt Nam còn thấp.

Về nguồn lực Ngân sách Nhà nước (NSNN) đầu tư cho KH&CN đã có những chuyển động tích cực hơn theo hướng tăng đầu tư cho các đề tài cấp quốc gia; tăng đầu tư vào khu vực trọng điểm. Bên cạnh đó, sự tham gia của xã hội, huy động nguồn lực xã hội cho phát triển KH &CN cũng được quan tâm nhiều hơn.

Mặc dù, phải ưu tiên ngân sách cho nhiều nhiệm vụ khác nhau nhưng riêng chi cho KH&CN cơ bản luôn được đảm bảo theo nghị quyết của Quốc hội là khoảng 2%/năm/ dự toán chi NSNN. Trong giai đoạn 2011 – 2015, tổng chi ngân sách là 4.760.500 tỷ đồng; trong đó, chi trực tiếp từ NSNN cho KH&CN là 77.342 tỷ đồng; chi KH&CN cho quốc phòng an ninh là 7.750 tỷ đồng và từ nguồn ưu đãi thu nhập tính thuế của các DN là 18.470 tỷ đồng. Tổng số chi cho KH&CN là 95.812 tỷ đồng, bằng 2,01% chi NSNN. (tương đương khoảng 0,5% GDP). Xét cả giai đoạn 2011 - 2015, tổng chi NSNN cho KH&CN cao gấp 5,6 lần so với giai đoạn 2001 - 2005 và gấp 2,2 lần, so với giai đoạn 2006 - 2010. Tương tự, các năm 2016, 2017 và 2018, mức chi đều được bố trí tương đương 2% tổng chi ngân sách, đảm bảo theo nghị quyết của Quốc hội.

Về cơ chế tài chính cho KH&CN đã thường xuyên đổi mới, đặc biệt là cơ chế tài chính cho các đề tài dự án. Với sự đổi mới này, 3 năm gần đây, cơ chế thanh toán, quyết toán kinh phí KH&CN đã có tiến bộ rất lớn. Những khó khăn, vướng mắc trong thanh toán, quyết toán các đề tài KH&CN thường được nhắc đến trước đây hầu như không còn. Các Thông tư 55, 27 (Thông tư liên tịch số: 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và

27/2015/TTLT-BKHCN-BTC) trong lĩnh vực tài chính cho KH&CN đã có bước đổi mới toàn diện, theo tinh thần khoán và khoán tới sản phẩm cuối cùng. Theo tinh thần đổi mới này, người giao nhiệm vụ phải tự tuyển chọn, tự chịu trách nhiệm với kết quả đầu ra. Các quy định mới rất đề cao trách nhiệm của các cơ quan tuyển chọn đề tài, dự án, chủ đề tài dự án, chú trọng đơn giản hóa thủ tục hành chính, đặt niềm tin nhất định, trách nhiệm nhất định vào các cơ quan, chủ đề tài dự án. Tuy nhiên, đầu tư cho KH&CN, việc huy động nguồn lực cho KH&CN, cho phát triển đội ngũ trí thức còn nhiều hạn chế cả về nguồn lực, về chính sách và còn không ít vướng mắc về cơ chế, trong đó có cơ chế tài chính.

Những hạn chế của đội ngũ trí thức, của đầu tư và huy động nguồn lực cho phát triển đội ngũ trí thức do nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu do thiếu chiến lược phát triển đội ngũ trí thức, một số chủ trương, chính sách về công tác trí thức, trong đó có chính sách đầu tư, chính sách huy động nguồn lực chậm đi vào thực tiễn, hành lang pháp lý bảo đảm môi trường dân chủ và tự do học thuật chưa đồng bộ, công tác tuyển chọn, đánh giá, công tác tập hợp, huy động và sử dụng đội ngũ trí thức chưa thật sự hợp lý, thiếu chính sách và cơ chế để trí thức chuyên tâm cống hiến, phát triển và được xã hội tôn vinh bằng chính kết quả hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Về chính sách tài chính trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, văn học, nghệ thuật,... còn bất cập, dẫn đến một số trí thức làm việc còn đối phó, chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao. Chính sách và giải pháp thu hút trí thức người

Việt Nam ở nước ngoài, tham gia giải quyết những vấn đề của đất nước chưa đủ mạnh.

Chính sách huy động, đầu tư nguồn lực tài chính cho đội ngũ trí thức để đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế thị trường mở cửa và hội nhập quốc tế

Để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập, cần triển khai nhiều giải pháp, trước hết cần tập trung huy động mọi nguồn lực, tăng cường đầu tư tài chính. Muốn vậy, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất: Tăng cường đầu tư từ NSNN, từ nguồn quỹ công để xây dựng các trung tâm nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ hiện đại, các khu công nghệ cao quốc gia. Tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển một số trường đại học trọng điểm quốc gia theo mô hình tiên tiến của thế giới để thúc đẩy hoạt động sáng tạo của trí thức trong và ngoài nước, để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Nhà nước cần giành sự quan tâm đặc biệt và tăng cường đầu tư phát triển nâng cao vị thế của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Cần đảm bảo để VUSTA là tổ chức tập hợp, là diễn đàn, là mái nhà chung của trí thức Việt Nam. VUSTA cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động tạo môi trường lành mạnh, thuận lợi để phát huy năng lực sáng tạo và nâng cao phẩm chất đạo đức của đội ngũ trí thức.

Thứ hai: Huy động nguồn lực và tăng thêm nguồn lực tài chính

đầu tư để đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ trí thức. Xây dựng và triển khai chiến lược, quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030. Hướng dẫn và tổ chức triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (năm 2018) và Luật Giáo dục đại học (năm 2018). Khắc phục có hiệu quả những vướng mắc trong quá trình chuyển đổi mô hình các trường công lập và tư thục. Tăng cường phân cấp quản lý Nhà nước về giáo dục; thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục và đào tạo. Cần rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục, nghiên cứu gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng một số trường đại học ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Tạo điều kiện để các trường đại học, Viện, Học viện nghiên cứu của nước ngoài mở cơ sở đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại Việt Nam.

Cần rà soát, xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; vị trí việc làm, định mức lao động, chế độ làm việc; nội dung và hình thức thi, xét nâng hạng chức danh nghề nghiệp. Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ, trí thức là những người đã có cống hiến trong hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ. Sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh học tập và nghiên cứu ở nước ngoài.

Thứ ba: Đổi mới các kênh huy động nguồn lực và phân bổ nguồn lực cho xây dựng và phát triển trí thức. Cùng với các quy định: Áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng; Cấp kinh phí thực

hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN thông qua hệ thống Quỹ Phát triển KH&CN, cần có các quy định khuyến khích và buộc DN Nhà nước hàng năm phải trích từ 3% - 10% thu nhập tính thuế thu nhập DN, để lập Quỹ Phát triển KH&CN của DN. Ngoài các quy định, chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN, không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung: Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN; Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao; Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KH&CN; Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KH&CN. Cần triển khai các chính sách Chi sự nghiệp KH&CN: Chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN; Chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức KH&CN công lập theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập; Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, hoạt động thông tin và thống kê, KH&CN,...

Hiện nay, mức chi từ NSNN cho KH&CN, nhìn chung còn thấp so với các nước. Vì vậy có thể nói, do quy mô NSNN hạn chế nên chi NSNN cho hỗ trợ đổi mới công nghệ còn khiêm tốn. Việc phân bổ NSNN phát triển các yếu tố của thị trường KH&CN còn dàn trải và phân tán từ các bộ, ngành tới các địa phương và điều đó đang trở thành rào cản lớn, hạn chế phát triển nguồn cung công nghệ trên thị trường. Việc phân bổ chưa đảm bảo theo những tiêu chí rõ ràng, thiếu cơ chế cạnh tranh minh bạch, phân tán nên hiệu quả đầu tư thấp, chế

độ lương bổng không cao, cơ sở vật chất thiếu hụt,... tác động làm kìm hãm phát triển của thị trường KHCN thời gian qua.

Những tồn tại về sử dụng các công cụ tài chính trong các kênh dẫn vốn cần phải được khắc phục và có giải pháp, để phục vụ mục tiêu phát triển thị trường KH&CN. Vì thế, cần có những giải pháp, kịp thời nhằm thúc đẩy việc sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính, huy động vốn cho việc phát triển thị trường KH&CN.

Trước bối cảnh hoạt động cải cách, chuyển đổi mô hình và cơ cấu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam tiếp tục được đẩy mạnh và hoàn thiện theo hướng phát triển bền vững, từ tăng trưởng theo chiều rộng, dựa chủ yếu vào lợi thế sẵn có như tài nguyên thiên nhiên và lao động trình độ thấp sang khai thác các yếu tố cạnh tranh trên cơ sở công nghệ cao, nhân lực chất lượng cao và tính hiện đại của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

Cần sớm thiết lập mạng lưới sàn giao dịch công nghệ kèm theo hệ thống tổ chức dịch vụ KHCN hỗ trợ, trọng tâm là TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đà Nẵng. Để thực hiện mô hình phát triển bền vững phải dựa vào phát triển KH&CN, do đó cần tạo ra nhiều cơ hội cho KH&CN và thị trường KH&CN phát triển.

Thứ tư: Tạo lập môi trường phát huy vai trò của trí thức. Định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động KH&CN, giáo dục và đào tạo, văn hóa và văn nghệ. Bảo đảm vấn đề tự do học thuật của đội ngũ trí thức tại các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu. Không nên thành kiến, định kiến và quy chụp đối với những ý kiến phản biện rất

thẳng thắn, trực diện, hàm chứa nhiều tri thức khoa học, mang tính xây dựng của đội ngũ trí thức. Trong không ít trường hợp những ý kiến, mới nghe rất khó chấp nhận, rất trực diện, thẳng thắn, chứa đựng những luận cứ chắc chắn, hàm chứa những giá trị khoa học mang tính chuyên môn sâu, không dễ nhận ra ngay.

Tăng cường thực thi việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nhằm bảo đảm lợi ích của trí thức khi chuyển giao phát minh, sáng chế và khuyến khích đội ngũ trí thức gia tăng sự cống hiến.

Thứ năm: Cần hoàn thiện hơn nữa chính sách tài chính về sử dụng, đãi ngộ và tôn vinh trí thức. Cơ chế, chính sách tài chính của Nhà nước cần hoàn thiện, đổi mới để đội ngũ trí thức có thể sống, hoạt động và phát triển nghề nghiệp, phát triển khả năng sáng tạo bằng chính công sức, lao động, trình độ, tài năng, phẩm chất và uy tín của mình và tổ chức khoa học, tổ chức nghề nghiệp của mình. Trí thức cần được hưởng đầy đủ lợi ích vật chất, tinh thần tương xứng với công sức, với giá trị lao động sáng tạo, giá trị từ kết quả hoạt động, kết quả lao động độc lập, sáng tạo của mình hoặc của tập thể mà mình là thành viên. Đổi mới, nâng cao chất lượng xét chọn và nâng mức khen, thưởng đối với các danh hiệu cao quý và các giải thưởng Nhà nước dành cho trí thức. Có chính sách đãi ngộ, trọng dụng, tôn vinh đối với trí thức đầu ngành, những người được giao chủ trì nhiệm vụ KH&CN quan trọng của quốc gia, trí thức trẻ tài năng, Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng đối với tác giả các công trình được công bố quốc tế, các sáng chế được bảo hộ trong và ngoài nước.

Thứ sáu: Thực hiện chủ trương phân cấp và trao quyền tự chủ, tự quản lý, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN, các cơ sở đào tạo trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và các chức danh khoa học trên cơ sở các tiêu chuẩn của Nhà nước; trong việc sử dụng nhân lực và tài chính theo nhu cầu của đơn vị. Trên cơ sở phân cấp, các tổ chức KH&CN cần chủ động xây dựng và triển khai chính sách tài chính, tổ chức, huy động và sử dụng nguồn lực, có chính sách chăm lo, động viên, khích lệ và sử dụng có hiệu quả đội ngũ trí thức ở mọi độ tuổi có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm, nhiều tâm huyết và có đủ sức khoẻ cần thiết cho từng loại công việc, từng loại nghề nghiệp, từng loại hoạt động khoa học, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, lĩnh vực nghiên cứu khoa học, phổ biến và triển khai các kết quả nghiên cứu KH&CN.

Cần quan tâm, tạo điều kiện làm việc, sinh hoạt, quan tâm đổi mới các chính sách ưu đãi,... đối với đội ngũ trí thức làm việc ở các vùng kinh tế - xã hội khó khăn, trí thức là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật,... Các tổ chức KH&CN, các tổ chức nghề nghiệp cần xây dựng cơ chế hoạt động, tổ chức các diễn đàn để khuyến khích và bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ bảy: Đổi mới hơn nữa cơ chế và quy trình giao và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học nên thực hiện nhiều hơn theo cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm KH&CN cuối cùng, theo kết quả đầu ra. Đổi

mới cách thức đánh giá và nghiệm thu kết quả nghiên cứu; giảm bớt tối đa thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN. Cần có cơ chế và phương thức giúp doanh nghiệp xác lập một cách có hệ thống về quyền sở hữu, sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học có sử dụng NSNN. Đồng thời, xác định quyền sở hữu các dự án nghiên cứu liên quan đến việc xử lý hai loại tài sản hữu hình và vô hình, tạo cơ sở để các tổ chức KH&CN tiếp tục phát triển, thương mại hoá, tạo điều kiện cho các tổ chức này phát huy thế mạnh, từ đó có thể tự chủ mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Thứ tám: Đổi mới chính sách tài chính cho phát triển thị trường KH&CN. Cần tạo dựng và tăng cường phát triển thị trường KH&CN trên cả 5 yếu tố cơ bản, Khung pháp lý cho các giao dịch trên thị trường, bên mua, bên bán, cơ sở hình thành giá cả và các hoạt động hỗ trợ dịch vụ xúc tác giữa người mua và người bán.

Tạo lập và vận hành chính sách phát triển thị trường KH&CN là thể hiện thái độ, trách nhiệm và những hành động ứng xử của Nhà nước với những quá trình xây dựng và phát triển thị trường KH&CN, bao gồm hệ thống các chính sách hướng tới mục tiêu tạo động lực khuyến khích thị trường KH&CN phát triển, thỏa mãn nhu cầu KH&CN trình độ cao của nhân dân và yêu cầu phát triển đất nước. Chính sách tài chính cũng nằm trong hệ thống các chính sách được Nhà nước ban hành, để thực hiện mục tiêu này.

Chính sách tài chính cho thị trường KH&CN là chính sách của Nhà nước nhằm huy động, quản lý và sử dụng tiền tệ để phát triển thị trường KH&CN theo các mục tiêu và định hướng phát triển của Nhà

nước đặt ra. Nhà nước ban hành chính sách tài chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tham gia đóng góp các nguồn tài chính cho phát triển thị trường KH&CN. Đồng thời, tạo cơ chế tài chính hợp lý cho thị trường KH&CN, đảm bảo chất lượng và hiệu quả phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

Cần phải sử dụng có hiệu quả các công cụ tài chính để tác động đến thị trường KH&CN, đó là chi NSNN (đầu tư, đặt hàng), thuế, phí, ưu đãi thuế, tín dụng, lãi suất, quỹ đầu tư, quỹ chuyên dùng. Cần phải sử dụng các công cụ tài chính phải hướng tới mục tiêu rõ ràng và tăng cường sự phối hợp giữa các công cụ tài chính, nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các yếu tố của thị trường KH&CN.

Có thể thấy, hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về thuế đã có những ưu đãi nhất định về mặt chính sách thuế dành cho thị trường công nghệ. Tuy nhiên, trong thực tế thị trường vẫn chưa phát triển được như kỳ vọng. Cơ chế để tiếp cận nguồn vốn đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ còn nhiều khó khăn do quy định vay vốn, hỗ trợ lãi suất hoặc bảo lãnh tín dụng còn nhiều bất cập.

Các quỹ KHCN cấp quốc gia, tỉnh/thành, bộ/ngành được sử dụng chủ yếu là để tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh,... đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phát triển công nghệ. Thực tế, mức trích lập các quỹ còn thấp chưa đạt quy định.

Thứ chín: Có chính sách, trong đó có chính sách tài chính tăng cường thu hút nguồn lực, nguồn trí tuệ, thu hút đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài. Nhà nước

Việt Nam luôn khẳng định: “Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước”. Cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút, chế độ đãi ngộ đối với những trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản trị, điều hành, khả năng chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho Việt Nam. Có cơ chế, chính sách khuyến khích các cơ sở KH&CN, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật,... ở trong nước hợp tác, trao đổi với chuyên gia, thu hút trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài. Tạo điều kiện thuận lợi, để trí thức Việt kiều sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Tăng cường biểu dương, khen thưởng các tổ chức và cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích trong vận động xây dựng cộng đồng, đóng góp xây dựng đất nước. ■

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII.
3. Luật Khoa học công nghệ. số 29/2013/QH13.
4. Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008.
5. Bộ Tài chính (2012), Chiến lược Tài chính đến năm 2020, NXB Tài chính, 2012.
6. GS.TS Đinh Xuân Khoa: Căn cứ cơ chế chính sách cho đội ngũ trí thức. Tạp chí Cộng sản.
7. Trần Thị Thu Hà, Cơ chế tài chính với KH&CN- Luận án.